



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM

Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM 2017**

Tháng 1 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		2,419,723,536,861	2,591,261,525,130
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	801,608,171,454	1,066,066,284,191
1. Tiền	111		45,179,169,009	54,176,284,191
2. Các khoản tương đương tiền	112		756,429,002,445	1,011,890,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24,006,049,800	20,954,433,300
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33,575,304,695	33,575,304,695
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(9,569,254,895)	(12,620,871,395)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		968,650,043,747	778,834,803,022
1. Phải thu khách hàng	131		835,420,370,130	666,487,159,278
2. Trả trước cho người bán	132		12,768,340,959	5,487,407,661
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		168,317,144,907	139,886,119,832
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(47,855,812,249)	(33,025,883,749)
IV. Hàng tồn kho	140	6	432,560,982,650	523,966,155,175
1. Hàng tồn kho	141		446,801,929,715	538,047,969,996
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14,240,947,065)	(14,081,814,821)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		192,898,289,210	201,439,849,442
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,594,878,921	711,746,745
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		191,143,041,491	199,943,230,442
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		160,368,798	784,872,255
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		26,829,843,759	29,887,239,936
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,979,419,790	2,923,979,590
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			1,256,100,000
2. Phải thu dài hạn khác	213		2,979,419,790	1,667,879,590
II. Tài sản cố định	220		3,909,816,065	4,957,370,365
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	3,651,710,735	4,823,810,365
- Nguyên giá	222		12,358,132,526	11,957,158,742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8,706,421,791)	(7,133,348,377)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	258,105,330	133,560,000
- Nguyên giá	228		1,321,431,505	1,113,753,105
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,063,326,175)	(980,193,105)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	853,268,080
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		853,268,080	853,268,080
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		1,350,000,000	1,350,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2,203,268,080)	(1,350,000,000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		19,940,607,904	21,152,621,901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,728,107,904	2,027,621,901
4. Lợi thế thương mại	269		17,212,500,000	19,125,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,446,553,380,620	2,621,148,765,066

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,153,734,316,602	2,375,291,182,503
I. Nợ ngắn hạn	310		2,153,127,298,333	2,373,885,374,234
1. Phải trả người bán	311		532,785,347,450	602,890,592,914
2. Người mua trả tiền trước	312		10,565,242,548	6,455,884,468
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	8,206,380,301	3,324,264,825
4. Phải trả người lao động	314		19,616,437,633	10,317,862,595
5. Chi phí phải trả	315	10	12,877,480,968	11,192,075,016
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	89,793,564,451	94,302,250,448
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	12	1,472,989,227,729	1,638,225,080,786
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,293,617,253	7,177,363,182
II. Nợ dài hạn	330		607,018,269	1,405,808,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		607,018,269	207,018,269
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	1,198,790,000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		292,819,064,018	245,857,582,563
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	292,819,064,018	245,857,582,563
1. Vốn điều lệ	411		213,265,490,000	213,265,490,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1,170,000,000)	(1,170,000,000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		69,901,285,328	26,412,092,563
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	439		10,822,288,690	7,350,000,000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,446,553,380,620	2,621,148,765,066

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	17,918,448,762	17,918,448,762
2. Ngoại tệ các loại	USD	46,198	125,682
	EUR		48



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 1 năm 2018



Lê Thị Chiên
Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,835,015,435,653	1,528,479,730,456	6,482,613,103,086	5,906,333,607,784
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		19,424,928,136	28,844,615,040	66,201,317,984	99,074,338,663
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,815,590,507,517	1,499,635,115,416	6,416,411,785,102	5,807,259,269,121
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1,725,213,936,638	1,430,870,513,206	6,102,291,710,773	5,563,674,376,714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90,376,570,879	68,764,602,210	314,120,074,329	243,584,892,407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	17,773,658,400	15,931,343,812	55,245,176,417	47,051,589,752
7. Chi phí tài chính	22	15	16,906,338,140	26,585,080,089	77,767,772,116	77,100,091,432
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>19,316,075,456</i>	<i>17,187,227,712</i>	<i>76,173,660,795</i>	<i>63,743,289,727</i>
8. Chi phí bán hàng	24		37,120,941,307	26,092,770,849	127,802,744,015	93,820,369,042
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24,322,293,417	14,713,849,776	76,345,828,447	45,665,141,346
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29,800,656,415	17,304,245,308	87,448,906,168	74,050,880,339
11. Thu nhập khác	31		162,832,493	115,949,505	819,383,461	293,951,097
12. Chi phí khác	32		95,445,633	83,682,026	306,670,409	103,271,995
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		67,386,860	32,267,479	512,713,052	190,679,102
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		29,868,043,275	17,336,512,787	87,961,619,220	74,241,559,441
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	6,885,421,206	3,313,914,825	18,377,213,688	12,710,458,466
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		22,982,622,069	14,022,597,962	69,584,405,532	61,531,100,975
<i>Trong đó:</i>						
<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	61		<i>3,252,774,121</i>	<i>-</i>	<i>3,472,288,690</i>	<i>-</i>
<i>Lợi ích của cổ đông của Công ty</i>	62		<i>19,729,847,948</i>	<i>14,022,597,962</i>	<i>66,112,116,842</i>	<i>61,531,100,975</i>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	926	658	3,038	2,834



Trần Thanh Cảnh
 Người lập biểu
 Ngày 18 tháng 1 năm 2018



Lê Thị Chiên
 Kế toán trưởng



Vũ Tiến Dương
 Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

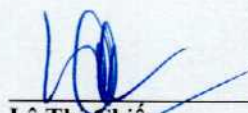
MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	87,961,619,220	74,241,559,441
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3,568,706,484	1,105,558,993
Các khoản dự phòng	03	12,790,712,324	5,734,958,531
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	200,581,049
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(42,449,394,104)	(35,558,553,470)
Chi phí lãi vay	06	76,173,660,795	63,743,289,727
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	138,045,304,719	109,467,394,271
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(196,465,572,445)	(62,211,212,905)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	91,246,040,281	347,268,308,753
(Tăng)/ Giảm các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33,153,503,232)	81,899,461,050
(Tăng) chi phí trả trước	12	(1,583,618,179)	(590,922,397)
Tiền lãi vay đã trả	13	(71,899,919,574)	(64,391,379,839)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14,740,730,931)	(13,188,841,723)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1,288,212,042)	(1,230,622,020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(89,840,211,403)	397,022,185,190
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(608,652,184)	(222,878,630)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	40,000,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(20,393,526,371)
4. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	46,316,549,532	32,412,859,653
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45,707,897,348	11,836,454,652
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	4,705,953,374,446	4,464,597,178,557
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4,873,586,807,503)	(4,435,646,991,848)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(52,692,365,625)	(53,219,472,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(220,325,798,682)	(24,269,285,791)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(264,458,112,737)	384,589,354,051
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1,066,066,284,191	681,480,815,241
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(3,885,101)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	801,608,171,454	1,066,066,284,191



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 1 năm 2018



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Chủ tịch hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xi nghiệp Viên thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Năm 2017

Số năm

Phương tiện vận tải

6 - 10

Thiết bị văn phòng

3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	382,545,008	937,241,138
Tiền gửi ngân hàng	44,796,624,001	53,239,043,053
Các khoản tương đương tiền	756,429,002,445	1,011,890,000,000
	<u>801,608,171,454</u>	<u>1,066,066,284,191</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	52,886,906,783	31,887,317,724
Hàng hóa	392,200,385,737	503,036,133,947
Hàng gửi đi bán	1,664,325,835	2,514,259,165
Công cụ dụng cụ	50,311,360	610,259,160
	<u>446,801,929,715</u>	<u>538,047,969,996</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14,240,947,065)	(14,081,814,821)
Gía trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	<u>432,560,982,650</u>	<u>523,966,155,175</u>

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	8,043,431,867	3,913,726,875	11,957,158,742
Mua trong năm	357,721,818	43,251,966	400,973,784
Tại ngày 31/12/2017	<u>8,401,153,685</u>	<u>3,956,978,841</u>	<u>12,358,132,526</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	4,207,504,507	2,925,843,870	7,133,348,377
Khấu hao trong năm	1,202,120,746	446,248,668	1,648,369,414
Giảm khác	(75,296,000)	-	(75,296,000)
Tại ngày 31/12/2017	<u>5,334,329,253</u>	<u>3,372,092,538</u>	<u>8,706,421,791</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2017	<u>3,066,824,432</u>	<u>584,886,303</u>	<u>3,651,710,735</u>
Tại ngày 01/01/2017	<u>3,835,927,360</u>	<u>987,883,005</u>	<u>4,823,810,365</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2017	1,113,753,105
Tăng trong năm	207,678,400.00
Tại ngày 31/12/2017	1,321,431,505
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2017	980,193,105
Khấu hao trong năm	83,133,070
Tại ngày 31/12/2017	1,063,326,175
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2017	258,105,330
Tại ngày 01/01/2017	133,560,000

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU) / PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa	1,064,620,646	(9,115,270,314)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,968,774,051	3,313,914,825
Thuế TN cá nhân	114,316,761	10,350,000
Thuế xuất nhập khẩu	(412,585,136)	-
	7,735,126,322	(5,791,005,489)
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	(412,585,136)	(9,115,270,314)
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	8,147,711,458	3,324,264,825

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	6,850,408,562	2,909,169,834
Chi phí phải trả khác	6,027,072,406	8,282,905,182
	12,877,480,968	11,192,075,016

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Cổ tức	21,910,176,123	53,805,949,623
Các khoản phải trả phải nộp khác	67,883,388,328	40,496,300,825
	89,793,564,451	94,302,250,448

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngân Hàng TMCP XNK Việt Nam	54,110,839,284	99,962,829,711
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	23,204,013,888	53,349,172,995
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) - CN HCM	454,122,231,897	131,721,834,387
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC-Việt Nam	294,569,087,375	293,036,052,634
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	34,111,329,515	297,221,633,220
Ngân hàng TM CP Quân Đội-CN Sài Gòn	135,553,192,895	219,247,805,700
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP.HCM	231,033,081,371	469,398,962,133
Ngân hàng TM Cổ Phần Á Châu	-	17,196,790,006
Ngân hàng TNHH MTV Standard chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	226,388,687,785	-
Ngân hàng TMCP An Bình	19,896,763,719	-
Vay cá nhân	-	57,090,000,000
	<u>1,472,989,227,729</u>	<u>1,638,225,080,786</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	213,265,490,000	(375,000,000)	19,271,236,108	232,161,726,108
Lợi nhuận trong năm	-	-	61,531,100,975	61,531,100,975
Mua cổ phiếu quỹ	-	(795,000,000)	-	(795,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	(1,230,622,020)	(1,230,622,020)
Chia cổ tức	-	-	(53,159,622,500)	(53,159,622,500)
Số dư tại ngày 01/01/2017	213,265,490,000	(1,170,000,000)	26,412,092,563	238,507,582,563
Lợi nhuận trong năm	-	-	66,112,116,842	66,112,116,842
Trích lập các quỹ	-	-	(1,359,075,077)	(1,359,075,077)
Chia cổ tức	-	-	(21,263,849,000)	(21,263,849,000)
Số dư tại ngày 31/12/2017	213,265,490,000	(1,170,000,000)	69,901,285,328	281,996,775,328

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42,449,394,104	35,572,706,232
Lãi chênh lệch tỷ giá	4,415,092,894	4,534,784,473
Hoạt động tài chính khác	8,380,689,419	6,944,099,047
	<u>55,245,176,417</u>	<u>47,051,589,752</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	76,173,660,795	63,743,289,727
Lỗ chênh lệch tỷ giá	558,432,487	3,169,898,318
Hoạt động tài chính khác	1,035,678,834	10,186,903,387
	77,767,772,116	77,100,091,432

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	87,961,619,220	74,241,559,441
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2,034,411,000)	(2,237,852,100)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	5,958,860,220	250,266,840.0
Dự phòng thừa của năm trước	-	(8,701,681,850)
Thu nhập chịu thuế	91,886,068,440	63,552,292,331
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,377,213,688	12,710,458,466

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế TNDN và trích lập quỹ (VND)	64,753,041,765	60,300,478,955
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	21,311,549	21,274,652
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3,038	2,834

18. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 18 tháng 1 năm 2018.



Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 1 năm 2018



Lê Thị Chiến
Kế toán trưởng



Vũ Tiên Dương
Chủ tịch hội đồng quản trị

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 44/CV-PSD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 01 năm 2018

V/v: Giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Phòng Quản lý niêm yết

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí
Địa chỉ : Phòng 207, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh.
Mã số thuế : 0305482862
Mã giao dịch chứng khoán: PSD

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Công ty PSD) xin giải trình với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội các vấn đề liên quan đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 thì:

- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016: 74,241,559,441 đồng
- Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017: 87,961,619,220 đồng
- Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 so với năm 2016 là biến động tăng 18%.

Nguyên nhân của sự biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng là do trong năm 2017, PSD bắt đầu hợp nhất số liệu kinh doanh của công ty con là Công ty cổ phần Điện tử điện lạnh Bình Minh.

Bảng công văn này, Công ty xin giải trình cho Sở giao dịch chứng khoán được rõ.

Trân trọng kính chào !

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI
TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

